TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HS-ST
Ngày: 27-4-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Luật.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Ngọc Tiến.

Ông Huỳnh Ngọc Thông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:

Ông Phan Trần Vĩnh Phúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2021 đối với các bị cáo:

1/Nguyễn Trần Thành T; sinh năm: 1994 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: đường N, Phường K, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn B và bà: Trần Thị Thúy N; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị giữ ngày: 28/7/2020.

2/Nguyễn Thị Kim N; sinh năm: 1988 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: đường L, phường C, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn H và bà: Phạm Thị Huyền C; chồng: Không có và 03 con (lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh tháng 12/2020); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo đang tại ngoại.

3/Hà Ngọc H; sinh năm: 2000 tại thành phố Cần Thơ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: phường A, quận N, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Không; trình

độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hà Văn T và bà: Nguyễn Ngọc D; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt giữ ngày: 28/7/2020.

(Các bị cáo có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trần Thành T.*

Ông Bùi Quang C – Luật sư cộng tác viên thuộc T tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị hại:*

Công ty TNHH MTV M.

Địa chỉ: Số 215 đường Điện Biên Phủ, Phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

Bà Nguyễn Thị H – Sinh năm: 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường T, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo giấy ủy quyền ngày 27/7/2020 của Công ty TNHH MTV M).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/Bà Nguyễn Thị Thiên K – Sinh năm: 1976 (vắng mặt).

2/Ông Trần Minh Nhựt Q – Sinh năm: 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường S, Phường D, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/Bà Nguyễn Thị Xuân T – Sinh năm: 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường L, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Ông Vương Kiến T1 – Sinh năm: 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường L, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài nên Nguyễn Trần Thành T nảy sinh ý định lợi dụng đêm khuya, chỉ có 01 nhân viên trông coi ở các cửa hàng tiện lợi, sẽ vào mua hàng rồi dùng dao uy hiếp, đe dọa nhân viên để chiếm đoạt tiền của cửa hàng. T tìm người có xe môtô đi cùng để canh chừng và giúp T chạy thoát, cụ

thể T đã nói ý định trên cho Nguyễn Thị Kim N nghe, đồng thời rủ N đi cướp, N đồng ý.

Vụ 01: Tối ngày 08/07/2020, T đến nhà N tại địa chỉ số 153/15L5 đường Lê Thị Hồng Gấm, phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1 phụ giúp dọn nhà cùng Vương Kiến T1 và N. Đến khoảng 00 giờ 00 phút ngày 09/7/2020, T1 đi ngủ. N lấy xe môtô hiệu AirBlade, biển số 59E1-806.06 của T1 đưa T về quận Tân Phú. Trên đường đi, T nói với N việc tìm cửa hàng tiện lợi chiếm đoạt tiền tiêu xài (như phương thức đã nêu trên), N đồng ý. T điều khiển xe chở N dừng trước cửa hàng M – địa chỉ: Số 239 đường Tân Quý, phường Tân Quý, quận Tân Phú, rồi T vào trong, còn N đứng ngoài ngồi trên xe, nổ máy chờ sẵn; khi vào trong thì T thấy chỉ có ông Giáp Hoàng Quốc K (là nhân viên cửa hàng) nên giả bộ mua hàng rồi lại tính tiền, trong lúc anh K mở hộc tủ đựng tiền thì T rút dao đe dọa, ông K sợ không dám chống cự nên T lấy hết tiền trong hộc đựng rồi lên xe cho N chở chạy thoát. Sau đó, cả hai đếm tiền được khoảng 2.500.000 đồng (có một số tờ tiền rơi mất khi bỏ chạy), T chia cho N 1.200.000 đồng.

Vụ 02: Tối ngày 10/7/2020, T tiếp tục đến nhà N chơi cùng T1, N. Sau khi T1 ngủ thì N đưa T về bằng xe môtô của T1 biển số 59E1-806.06. Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 11/7/2020, T tiếp tục rủ N đi cướp, N đồng ý. T chở N dừng xe trước cửa hàng M – địa chỉ: Số 77 đường Trần Thiện Chánh, Phường 12, Quận 10; N ở ngoài nổ máy xe chờ sẵn, còn T vào trong thấy chỉ có ông Đỗ Đức T trông coi cửa hàng nên T giả bộ mua đồ rồi mang lại tính tiền; khi anh T mở hộc tủ đựng tiền thì T rút dao đe dọa, ông T không dám phản ứng nên T lấy hết tiền trong hộc rồi chạy ra ngoài cho N chở đi. Cả hai đếm tiền thấy được khoảng 3.800.000 đồng (có một số tờ tiền rơi mất khi bỏ chạy), T chia cho N 1.200.000 đồng.

Vụ 03: Ngày 26/7/2020, T và bạn gái là Hà Ngọc H thuê phòng ở khách sạn Kim Thịnh P trong hẻm đường Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10. Sau đó, T trả phòng và gọi cho T1 đến đón và nhờ T1 thuê khách sạn giúp. T1 đến chở H đi thuê phòng 201, khách sạn Kasa Phường 15, Quận 10 rồi đón T về. Đến khoảng 01 giờ 00 phút ngày 27/07/2020, T nói mượn xe. Sau khi T1 giao xe 59E1-806.06, T chạy xe về khách sạn Kasa. Tại đây, T nói H đi kiếm tiền bằng cách cầm dao vô cửa hàng tiện lợi đe dọa để lấy tiền, H đồng ý. T chở H đi ăn rồi đến trước cửa hàng M – địa chỉ: Số 666/64 đường 3/2 Phường 14, Quận 10, T dừng xe ở lòng đường nói H ở ngoài đợi, chìa khóa xe cắm sẵn trên xe; T đi vào trong thấy chị Nguyễn Thiện M trông coi cửa hàng, T mua chai nước và bánh flan rồi đưa cho H, H nói muốn uống nước đá nên T vào trong M mua 01 ly nước đá. Lúc này, T dắt xe lên lề ngồi uống nước với H, T nói H vào trong cửa hàng với T, muốn ăn gì cứ lấy rồi đi ra cắm sẵn chìa khóa đợi, T sẽ ở trong

dùng dao cướp, rồi T đưa chìa khóa xe cho Hân cầm; vào trong cửa hàng M, Hân lấy bánh giá 12.000 đồng rồi lại quầy tính tiền, T đưa tiền cho chị M thối. Chị M mở hộc tủ kéo đựng tiền ra thì T rút dao cầm ở tay phải rồi dùng tay trái chặn hộc tủ tiền và nói "Anh lấy tiền nha em", đồng thời giơ con dao ra, chị M đóng hộc tủ tiền lại; T đẩy chị M ra rồi dùng tay chụp tiền trong hộc, chị M bấm vào nút báo động; T bỏ chạy ra xe. H ngồi sẵn trên xe môtô biển số 59E1-806.06; T leo lên trước cầm lái bỏ chạy, chị M chạy ra và ghi lại được biển số xe. Về đến khách sạn, T đếm tiền cướp được thấy có khoảng 800.000 đồng (có một số tờ tiền rơi mất khi bỏ chạy). T đưa cho H 250.000 đồng để H mua bánh, card điện thoại sử dụng chung. Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 27/7/2020, T trả xe cho T1. Trưa cùng ngày, T1 chạy xe AirBlade biển số 59E1-806.06 đến khách sạn Kasa chơi với T, H thì cả ba bị Công an Quận 10 mời làm việc.

Tài sản bị chiếm đoạt trong các vụ án: Bà Nguyễn Thị H (đại diện Công ty TNHH MTV M) trình bày tổng số tiền bị chiếm đoạt trong 03 vụ cướp là 7.838.000 đồng, cụ thể: Cửa hàng M số 239 đường Tân Quý, phường Tân Quý, quận Tân Phú bị chiếm đoạt 3.092.000 đồng; cửa hàng M số 77 đường Trần Thiện Chánh, Phường 12, Quận 10 bị chiếm đoạt 3.898.000 đồng; cửa hàng M số 666/64 đường 3/2, Phường 14, Quận 10 bị chiếm đoạt 848.000 đồng. Chị Hoa yêu cầu T, Hân, N bồi thường số tiền đã chiếm đoạt.

Trên cơ sở lời khai của của T, H và các chứng cứ thu thập được ban đầu, cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã quyết định nhập 03 vụ án để điều tra theo thẩm quyền, sau đó quyết định khởi tố, điều tra đối với Nguyễn Trần Thành T, Nguyễn Thị Kim N và Hà Ngọc H về hành vi "Cướp tài sản".

Quá trình điều tra, Nguyễn Trần Thành T, Nguyễn Thị Kim N và Hà Ngọc H đã khai nhận toàn bộ hành vi như trên. Ngoài ra T khai khi nhét tiền vào túi và chạy thoát thì bị rơi mất một ít tiền nhưng không rõ bao nhiêu.

Đối với Vương Kiến T1 không biết việc N và T thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản như trên. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 không xử lý.

Về vật chứng của vụ án:

Đối với: 180.000 đồng là số tiền còn lại mà T, H cướp được tại Cửa hàng M – địa chỉ: Số 666/645 đường 3/2, Phường 14, Quận 10 ngày 27/7/2020. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã trả cho bà Nguyễn Thị H, đại diện Công ty TNHH MTV M; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số Imel 3582343477965; 01 điện thoại di động hiệu Honor, số Imel 868443022505427 là tài sản T mua để sử dụng, không liên quan đến vụ án, cơ quan Cảnh sát điều

tra Công an Quận 10 đã giao cho bà Trần Thị Thúy Nga (là mẹ ruột của T) quản lý.

Đối với: 01 xe môtô AirBlade biển số 59E1-806.06 là phương tiện T, N, H sử dụng chiếm đoạt tài sản, thu giữ của Vương Kiến T1. Kết quả giám định số khung, số máy không thay đổi, do bà Nguyễn Thị Thiên K là chủ sở hữu; làm việc với bà K, được biết: Xe môtô trên bà K đã làm Hợp đồng ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Xuân T sử dụng vào ngày 10/4/2019; tuy nhiên, qua xác minh bà T không còn cư trú tại đây, đi đâu không rõ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã đăng báo mời làm việc với bà T nhưng chưa có ai liên hệ làm việc; về phía Vương Kiến T1 trình bày: Xe môtô trên T1 mua lại của bà T vào tháng 8 năm 2019 với giá 37.000.000 đồng nhưng không có hợp đồng, bà T chỉ giao giấy đăng ký xe cho T1; việc T và N mượn xe rồi đi cướp tài sản, T1 không hề biết, Công an Quận 10 đã tạm giữ lại cùng các vật chứng khác: 01 đôi dép quai kẹp, phần đế dép màu đỏ có chữ CIRCLE-K Việt Nam, đây là quần áo N sử dụng trong hai vụ chiếm đoạt tài sản ngày 09/7/2020 và ngày 11/7/2020; 01 nón bảo hiểm màu trắng, có kính che, là đồ vật N sử dụng trong hai vụ chiếm đoạt tài sản ngày 09/7/2020 và ngày 11/7/2020, sau đó Hà Ngọc H tiếp tục sử dụng trong vụ cướp tài sản ngày 27/7/2020; 01 bộ đồ gồm quần và áo màu xám, 01 đôi dép xỏ ngón màu đen là quần áo H mặc trong vụ chiếm đoạt tài sản ngày 27/7/2020; 01 nón bảo hiểm màu trắng, vành đen, T sử dụng trong 02 vụ chiếm đoạt tài sản ngày 09/7/2020 và 27/7/2020; 01 con dao găm bằng thép màu đen, dài 30 cm, trên lưỡi dao có chữ RAMBO: T sử dụng trong hai vụ cướp tài sản ngày 09/7/2020 và ngày 11/7/2020; 01 con dao găm loại dao gấp bằng thép màu đen dài 23 cm, trên lưỡi dao có chữ TAC-FORCE, 01 nón kết (nón lưỡi trai) màu xám xanh, 01 áo thun ngắn tay màu tím nâu; 01 quần jean màu xanh đen, 01 đôi dép màu hồng: T sử dụng trong vụ chiếm đoạt tài sản ngày 27/7/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn Trần Thành T đã tác động gia đình bồi thường cho Công ty TNHH MTV M số tiền 7.838.000 đồng. Công ty không có yêu cầu gì khác và xin giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo.

Tại Cáo trạng số 26/CT.VKSQ10 ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 Thành Phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

Nguyễn Trần Thành T, Nguyễn Thị Kim N, Hà Ngọc H về tội: "Cướp tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, bị hại, sau khi nêu lên những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (phạm tội từ 02 lần trở lên), giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo T: Đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại, tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra trong việc điều tra ra tội phạm; bị cáo N: Khi phạm tội là phụ nữ có thai) của các bị cáo; đã đề nghị Hội đồng xét xử tương ứng áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, n, s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Trần Thành T: Từ 07 năm đến 08 năm tù, miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thị Kim N: Từ 06 năm đến 07 năm tù, miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo Hà Ngọc H: Từ 05 năm đến 06 năm tù, miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng và các biện pháp tư pháp: Đề nghị xử lý theo đúng quy định pháp luật.

- Ý kiến của bị cáo N: Bị cáo không có ý kiến gì tranh luận.

- Ý kiến của bị cáo H: Bị cáo không có ý kiến gì tranh luận.

- Người bào chữa cho bị cáo T trình bày lời bào chữa: Về tội danh, điều khoản truy tố là đúng, nên không có ý kiến tranh luận. Tuy nhiên xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay rất thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tác động gia đình bồi thường đầy đủ cho bị hại; hoàn cảnh gia đình khó khăn, thuộc diện hộ cận nghèo, cha lại bị bệnh hiểm nghèo, bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình, xuất phát điểm thấp như vậy dẫn đến bị cáo có phần nào thiếu am hiểu pháp luật dẫn đến dễ thực hiện hành vi phạm tội; đồng thời căn cứ vào Nghị quyết thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) cần áp dụng những gì có lợi cho bị cáo nhất; do vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), nên áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung

năm 2017), thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và tạo điều kiện cho bị cáo học tập, cải tạo, trở thành người có ích cho xã hội.

- Ý kiến của bị cáo T: Bị cáo không có ý kiến gì bổ sung cho lời bào chữa của Luật sư.

- Đại diện Viện kiểm sát tranh luận:

Đối với việc đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, thuộc diện hộ cận nghèo, cha lại bị bệnh hiểm nghèo, bản thân bị cáo là lao động chính, xét thấy gia đình bị cáo không phải khó khăn, cũng tạo ra công ăn việc làm cho bị cáo, nhưng bản thân bị cáo không chịu làm việc, sử dụng ma túy, dẫn đến thực hiện hành vi tội phạm.

Đối với việc áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xét thấy Điều luật quy định có thể áp dụng, hơn nữa trong vụ án này thì vai trò của bị cáo là tích cực nhất, nên không chấp nhận nội dung này mà Luật sư đưa ra.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên thu thập; do bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng -của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến

hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà các bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan điều tra, cũng như trước phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, qua lời khai nhận tội của các bị cáo, đối chiếu với lời khai của người làm chứng, nội dung ghi hình camera, biên bản thực nghiệm điều tra, vật chứng, cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án là phù hợp, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định các bị cáo Nguyễn Trần Thành T, Nguyễn Thị Kim N, Hà Ngọc H đã thống nhất ý chí hành động tương ứng với từng vụ án thực hiện hành vi dùng hung khí nguy hiểm (con dao nhọn, sắc) đe dọa dùng vũ lực, nhằm uy hiếp tinh thần của phía bị hại, để chiếm đoạt tài sản như đã nêu trong từng vụ án. Do vậy các bị cáo Nguyễn Trần Thành T, Nguyễn Thị Kim N, Hà Ngọc H bị truy tố và xét xử về tội "Cướp tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Các hành vi đó là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội và quyền sở hữu tài sản của tổ chức, cá nhân; gây hoang mang dư luận trong quần chúng nhân dân, cũng như các tổ chức, nhân viên của các hệ thống cửa hàng tiện lợi cung cấp dịch 24/24 cho nhân dân. Trong vụ án này, bị cáo T là người có vai trò tích cực nhất: Là người khởi xướng, rủ rê, chuẩn bị phương tiện và công cụ thực hiện tội phạm, trực tiếp dùng hung khí đe dọa sử dụng vũ lực và chiếm đoạt tài sản, thậm chí thực hiện nhiều lần chiếm đoạt nhất, hưởng lợi nhiều nhất; kế đến là bị cáo Nguyễn Thị Kim N là đồng phạm giúp sức tích cực cho T trong 02 lần chiếm đoạt với vai trò: Cung cấp phương tiện, chở đồng phạm tẩu thoát; cuối cùng là bị cáo Hà Ngọc H là đồng phạm thống nhất ý chí hành động với T trong 01 lần chiếm đoạt tài sản. Do vậy hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải bị xử phạt nghiêm minh bằng luật hình với mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, cụ thể cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục các bị cáo, đồng thời cũng để răn đe, giáo dục đối với những người thực hiện hành vi tương tự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tệ nạn tại địa phương.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo T thực hiện hành vi tội phạm 03 lần, bị cáo N thực hiện hành vi tội phạm 02 lần; nên các bị cáo T, N bị áp dụng tình tiết tăng

nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội từ 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về tình tiết giảm nhẹ: Tuy nhiên xét thấy các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo T: Đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại, tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra trong việc điều tra ra tội phạm, gia đình thuộc diện hộ cận nghèo tại địa phương; bị cáo N: Khi phạm tội là phụ nữ có thai và hiện đang là mẹ đơn thân nuôi 03 con nhỏ (lớn nhất sinh năm 2012 và nhỏ nhất sinh tháng 12/2020); do vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, b, t, n khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), tương ứng xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với từng bị cáo; đồng thời xét thấy trong vụ án này các bị cáo N, Hân thực hiện hành tội phạm với vai trò giúp sức hoặc chỉ thống nhất ý chí hành động đối với T, bị T rủ rê lôi kéo, đồng thời các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), nên Hội đồng xét xử cân nhắc khoan hồng và căn cứ vào Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử các bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và lượng hình tương ứng thích hợp đối với từng bị cáo, như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng có nêu; đồng thời miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo do mới bị kết án lần đầu.

Đối với các tình tiết giảm nhẹ khác và Điều luật mà người bào chữa đề nghị áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Trần Thành T, Hội đồng xét xử cần nhận định như sau:

- Tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Hoàn cảnh gia đình khó khăn, thuộc diện hộ cận nghèo, cha lại bị bệnh hiểm nghèo, bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình, xuất phát điểm thấp như vậy dẫn đến bị cáo có phần nào thiếu am hiểu pháp luật dẫn đến dễ thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử cần nhận định như sau: Bản thân bị cáo mặc dù có nghề nghiệp sửa xe, nhưng không chăm lo làm việc, tham gia tụ tập sử dụng ma túy dẫn đến phạm tội, cha bị cáo bị bệnh hiểm nghèo trong khi đó gia đình bị cáo còn 03 người chị đã trưởng thành, nên chưa đủ cơ sở xác định bị cáo là lao động chính trong gia đình, hơn nữa đây cũng không là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định pháp luật, đồng thời bản thân bị cáo đã có trình độ học vấn 08/12 là người trên 18 tuổi nên đủ hiểu biết, nhận thức hành vi nào là vi phạm quy định pháp luật và tội phạm; từ đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét chấp nhận tình tiết này của người bào chữa đưa ra, nhưng xét thấy bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thuộc diện hộ cận nghèo, nên Hội đồng xét xử đã cân nhắc áp

dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét cho bị cáo như đã nêu trên.

- Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), nên áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), Hội đồng xét xử cần nhận định như sau: Bản thân bị cáo trong vụ án này thực hiện hành vi với vai trò tích cực nhất trong vụ án, lôi kéo các bị cáo N và H vào việc thực hiện tội phạm, thực hiện nhiều lần chiếm đoạt nhất; do vậy chưa đủ cơ sở để Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét cho bị cáo T như đối với bị cáo N và Hân.

[5] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

- Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi lại một phần nhỏ và bị cáo T đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại đầy đủ cho bị hại; nay phía bị hại cũng như phía bị cáo T không có yêu cầu gì. Do vậy, về trách nhiệm dân sự không có gì để Tòa giải quyết.

- Về xử lý vật chứng:

Đối với: 01 USB màu đen và 01 USB màu đen có chữ KLEVV, là tài liệu liên quan đến vụ án; vậy tiếp tục lưu giữ vào trong hồ sơ vụ án.

Đối với: 01 nón bảo hiểm màu trắng vành màu đen, 01 nón bảo hiểm màu trắng có kính che, 01 nón kết màu xám xanh, 01 áo thun ngắn tay cổ tròn màu tím nâu, 01 quần Jean màu xanh đen, 01 bộ đồ (gồm: Quần và áo màu xám có đường viền màu hồng quanh mép quần áo, túi áo có chữ XL), 01 đôi dép màu hồng, 01 đôi dép dây xỏ ngón màu đen, 01 đôi dép quai kẹp phần đế dép màu đỏ có chữ CIRCLE-K Việt Nam quai dép bằng nhựa màu trắng, 01 con dao găm loại dao gấp bằng thép màu đen dài 23 cm trên lưỡi dao có chữ TAC-FORCE, 01 con dao găm lưỡi bằng thép nhọn màu đen, cán bọc nhựa dài 30cm trên lưỡi dao có chữ RAMBO; không đáng giá trị; vậy căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu và tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc xe môtô biển số 59E1-806.06 (loại xe: Hai bánh, nhãn hiệu: HONDA, số loại: AIRBLADE, màu sơn: Vàng đen, dung tích xi lanh: 124, số khung: RLHJF6303FZ795227, số máy: JF63E-1788234), qua xác minh do bà Nguyễn Thị Thiên K là chủ sở hữu; làm việc với bà K, được biết: Xe môtô trên bà K đã làm Hợp đồng ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Xuân T sử dụng vào ngày 10/4/2019; tuy nhiên, qua xác minh bà T không còn cư trú tại đây, đi đâu không rõ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã đăng báo mời làm việc với bà

T nhưng chưa có ai liên hệ làm việc; về phía Vương Kiến T1 trình bày: Xe môtô trên T1 mua lại của bà T vào tháng 8 năm 2019 với giá 37.000.000 đồng nhưng không có hợp đồng, bà Tuyền chỉ giao giấy đăng ký xe cho T1; việc T và N mượn xe rồi đi cướp tài sản, T1 không hề biết; nên hiện chưa xác định chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, trong khi chiếc xe trên lại là phương tiện dùng vào việc phạm tội; do vậy giao cho Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành thông báo trong thời hạn nhất định, nếu không có chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp liên hệ nhận, thì đề nghị căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 228 Bộ luật Dân sự năm 2015, tịch thu, nộp N sách Nhà nước.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Trần Thành T, Nguyễn Thị Kim N, Hà Ngọc H phạm tội "Cướp tài sản".

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 168; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s, t khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Trần Thành T;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trần Thành T 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/7/2020.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 168; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm n, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim N;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim N 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo N.

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Hà Ngọc H;

Xử phạt bị cáo Hà Ngọc H 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/7/2020.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo H.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu và tiêu hủy: 01 nón bảo hiểm màu trắng vành màu đen, 01 nón bảo hiểm màu trắng có kính che, 01 nón kết màu xám xanh, 01 áo thun ngắn tay cổ tròn màu tím nâu, 01 quần Jean màu xanh đen, 01 bộ đồ (gồm: Quần và áo màu xám có đường viền màu hồng quanh mép quần áo, túi áo có chữ XL), 01 đôi dép màu hồng, 01 đôi dép dây xỏ ngón màu đen, 01 đôi dép quai kẹp phần đế dép màu đỏ có chữ CIRCLE-K Việt Nam quai dép bằng nhựa màu trắng, 01 con dao găm loại dao gấp bằng thép màu đen dài 23 cm trên lưỡi dao có chữ TAC-FORCE, 01 con dao găm lưỡi bằng thép nhọn màu đen, cán bọc nhựa dài 30cm trên lưỡi dao có chữ RAMBO.

- Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) và Điều 228 Bộ luật Dân sự năm 2015; giao Chi cục thi hành dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh thông báo với thời hạn 12 tháng đối với 01 chiếc xe môtô biển số 59E1-806.06 (loại xe: Hai bánh, nhãn hiệu: HONDA, số loại: AIRBLADE, màu sơn: Vàng đen, dung tích xi lanh: 124, số khung: RLHJF6303FZ795227, số máy: JF63E-1788234), để chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp (nếu có) đến nhận, trong thời hạn trên kể từ ngày đăng báo mà không có chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp liên hệ nhận thì tịch thu, nộp N sách Nhà nước.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23/02/2021 giữa Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục Thi hành dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc: Mỗi bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với các bị cáo tính từ ngày tuyên án; đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày được giao hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- Sở Tư pháp TP.HCM; (01)
- Cục Hải quan TP.HCM; (01)
- TAND TP.HCM; (01)
- VKSND Q.10; (04)
- Công an Q.10; (02)
- Chi cục Thuế Q.10; (01)
- Chi cục THADS Q.10; (01)
- Người tham gia tố tụng; (07)
- Lưu: VP, THAHS, hồ sơ (11).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Triệu Luật